

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2021/DS-PT

Ngày 22-11-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất, hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Ngô Văn P, sinh năm 1952;

2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng C. Địa chỉ trụ sở: Số 35, tổ 3 đường N, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim H – Trưởng văn phòng.

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn N – chức vụ: Chi cục trưởng.

3. Chị Ngô Thùy T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972;

5. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị N, là bị đơn.

(Bà L có mặt; bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác đã được tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các ngày 11/6/2020, 23/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nội dung phần quyết định đã tuyên: “*Buộc ông Ngô Văn P và bà Phan Thị N tháo dỡ 02 chuồng gia cầm để giao cho bà Ngô Thị L sử dụng diện tích 471,1m² loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Vị trí đất của bà L được xác định thuộc một phần khu B2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mỹ Hưng đo vẽ được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C xác nhận ngày 10/3/2014, vị trí đất lấy đường giáp ranh của thửa đất số 2305 và thửa 2301 kéo đều về hướng giáp ranh với khu A 2 và B1 cho đến khi đủ diện tích 471,1m² cho bà L. Bà L được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia*”. Ngày 28/02/2019, bà làm đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung của Bản án phúc thẩm. Ngày 19/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã thi hành giao cho bà quản lý và sử dụng phần đất trên. Khi bà làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C có công văn số 1210/CNVPĐK-ĐKCG trả lời cho bà với nội dung: Thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 04 diện tích 1314m², vợ chồng ông P và bà N đã tặng cho con gái là Ngô Thùy T vào ngày 25/3/2019 sau đó bà T đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T1 vào ngày 26/4/2019, bà T1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bé H vào ngày 28/8/2019, trong đó có phần đất 471,1m² của bà. Việc ông P và bà N tặng cho thửa đất sau khi đã bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành án là trái pháp luật nhằm tẩu tán tài sản, đồng thời thửa đất này bà đang quản lý sử dụng, các hợp đồng chuyển nhượng sau đó chỉ là hình thức và giả tạo nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết: Tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/3/2019, số công chứng 507, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Ngô Văn P, bà Phan Thị N với chị Ngô Thùy T; vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/4/2019, số công chứng 801, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD giữa chị Ngô Thùy T với bà Nguyễn Thị T1; vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2019, số công chứng 1.795, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị T1, Đỗ Văn T với bà Nguyễn Thị Bé H; cùng đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, phần diện tích 471,1m², đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An, được Văn phòng Công chứng C chứng nhận.

Bị đơn ông Ngô Văn P, bà Phan Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thùy T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C trình bày tại văn bản số 785/CV-CCTHADS ngày 06/11/2020 với nội dung: căn cứ bản án, quyết định số 20/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Quyết định thi hành án số 717/QĐ-CCTHA ngày 12/3/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ngày 23/7/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành án đối với ông Ngô Văn P, bà Phan Thị N buộc thực hiện nghĩa vụ thi hành theo Bản án số 20/2019/DSPT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ngày 19/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện phối hợp các ngành huyện và chính quyền địa phương xã L tổ chức cưỡng chế cấm mốc đo giao cho bà Ngô Thị L sử dụng diện tích 471,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa số 2305, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã L, bà L kiểm tra nhận đúng đủ phần diện tích theo nội dung bản án tuyên. Việc giao tài sản cho bà L đã kết thúc. Chi cục Thi hành án dân sự huyện xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử.

Văn phòng Công chứng C trình bày ý kiến tại văn bản số 20/CV,VPCCCĐ.2020 ngày 19/10/2020: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 507, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2010; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 801, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1.795, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2019 đều do Công chứng viên Nguyễn Kim H – Văn phòng Công chứng C, tỉnh Long An đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Văn phòng xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T1, không có văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Bé H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 13/01/2021: Bà nhận chuyển nhượng thửa đất từ bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn T với giá chuyển nhượng là 1 tỷ 700 triệu đồng, hiện nay các thửa đất do ông Ngô Văn P và bà Phan Thị N đang sử dụng. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L và không có yêu cầu gì trong vụ án này, bà đề nghị vắng mặt toàn bộ quá trình giải

quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của bà Ngô Thị L đối với bà Phan Thị N, ông Ngô Văn P về “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/3/2019, số công chứng 507, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa ông Ngô Văn P, bà Phan Thị N với chị Ngô Thùy T, đối phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/4/2019, số công chứng 801, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa chị Ngô Thùy T với bà Nguyễn Thị T1 đối phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2019, số công chứng 1.795, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa bà Nguyễn Thị T1, Đỗ Văn T với bà Nguyễn Thị Bé H đối phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đất theo bản án Dân sự phúc thẩm số 20/2019/DS-PT ngày 28-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10/5/2021, Tòa án nhân dân huyện C nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị N đề ngày 07/5/2021 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại đơn kháng cáo bà Phan Thị N trình bày cho rằng: Tại Biên bản giám định tâm thần ngày 21/02/2019 của Trung tâm giám định y khoa tỉnh Long An kết luận hiện tại ông P mất năng lực hành vi. Các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng là hợp pháp, ngay tình đã hoàn thành việc giao nhận tiền, nhà đất. Bà T, bà T1, ông T, bà Bé H hoàn toàn không biết gì việc 471,1m² đất đang bị thi hành án. Người nhận chuyển quyền đã được xác lập quyền sử dụng đất nên không có căn cứ để vô hiệu các hợp đồng trên theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà L.

Bà L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: bị đơn cho rằng theo kết quả khám hiện nay tại Biên bản giám định chuyên khoa tâm thần thì ông P mất năng lực hành vi dân sự nhưng ngày 25/3/2019 ông P ký hợp đồng tặng cho con ruột tại Văn phòng công chứng, được Công chứng viên xác định là đủ năng lực hành vi dân sự nên chưa đủ cơ sở xác định ông P mất năng lực hành vi dân sự.

Xét thấy, ông P bà N là người có nghĩa vụ thi hành án cho bà L, cơ quan thi hành án đã cưỡng chế giao đất cho bà L nhưng ông P bà N lập hợp đồng tặng cho con ruột là chị Ngô Thùy T; chị T lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T1; bà T1 lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bé H đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, trong đó có phần diện tích 471,1m² là trái pháp luật nên cấp sơ thẩm xác định ba hợp đồng bị vô hiệu là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Lý do kháng cáo của bị đơn không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L có mặt, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác được tổng đạt hợp lệ hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Tại Biên bản giám định chuyên khoa tâm thần của Trung tâm giám định y khoa tỉnh Long An xác nhận hiện tại ông P mất năng lực hành vi. Bà N là vợ ông P cũng xác nhận sự việc trên nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà N vẫn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, bà N phải có nghĩa vụ đến Tòa án để làm thủ tục tuyên bố ông P mất năng lực hành vi theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bà đều vắng mặt gây khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Đồng thời, ngày 25/3/2019 ông P ký hợp đồng tặng cho

quyền sử dụng đất cho chị T tại Văn phòng Công chứng C, Công chứng viên xác định ông P đủ năng lực hành vi dân sự do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P có đủ năng lực hành vi dân sự để tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ.

[4] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định ông P bà N là người có nghĩa vụ thi hành án cho bà L đối với diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4. Cơ quan thi hành án đã cưỡng chế giao đất cho bà L theo Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số: 12/QĐ-CCTHADS ngày 23/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C và Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 19/12/2019.

[5] Tuy nhiên, ngày 25/3/2019 ông P bà N lập hợp đồng tặng cho con ruột là chị T; sau đó chị T lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà T1; bà T1 lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà H đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4 trong đó có phần diện tích 471,1m² mà bà L đã được thi hành án là trái pháp luật do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ba hợp đồng trên bị vô hiệu là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[6] Vì vậy, lý do kháng cáo của bà N là không có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Tuy nhiên bà N ông P là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí sơ phúc thẩm cho bà N và ông P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C về nghĩa vụ chịu án phí.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 123 và Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 100, điểm b, c khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 24 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 17/8/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với bà Phan Thị N, ông Ngô Văn P về “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/3/2019,

số công chứng 507, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa ông Ngô Văn P, bà Phan Thị N với chị Ngô Thùy T, đổi phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/4/2019, số công chứng 801, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa chị Ngô Thùy T với bà Nguyễn Thị T1 đổi phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2019, số công chứng 1.795, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng C giữa bà Nguyễn Thị T1, Đỗ Văn T với bà Nguyễn Thị Bé H đổi phần diện tích 471,1m² thuộc một phần thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Vị trí, diện tích đất theo bản án Dân sự phúc thẩm số 20/2019/DS-PT ngày 28-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà bà Ngô Thị L phải chịu 1.000.000đồng, bà L đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Ngô Văn P và bà Phan Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc